

Số: 06/2025/QĐCNTTLH

K, ngày 28 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HOÀ GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn D;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T;

- Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 12 tháng 3 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải sau đây:

Người khởi kiện: chị Lê Thị T, sinh năm 1990, địa chỉ: xóm G, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình, hiện trú tại: phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Người bị kiện: anh Đỗ Văn D, sinh năm 1984, địa chỉ: xóm G, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải do Hoà giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 12 tháng 3 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 12 tháng 3 năm 2025, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn D.

- *Về con chung:* Chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn D thoả thuận giao chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 3 con chung cháu Đỗ Mạnh T1, sinh ngày 17/12/2009, cháu Đỗ Tấn Phát S ngày 18/5/2013 và cháu Đỗ Đức T2, sinh ngày 02/6/2015.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Đỗ Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi

con cùng chị T mỗi cháu 2.000.000đ/ 1 tháng kể từ tháng 3/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn D thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện.K;
- UBND thị trấn P;
- Lưu: VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Bích Hồng